Phụ lục 1

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**3**				**6.199,5**	**2.803,9**	**8.306,0**				
A	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**3**				**6.199,5**	**2.803,9**	**8.306,0**				
I	**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**1**										
1	**Sở Khoa học và Công nghệ (Văn phòng Sở)**											
	Trạm kiểm tra chất lượng hàng hóa XNK cũ	Cửa khẩu Hữu Nghị, xã Đồng Đăng	Quyết định giao đất số 1776/QĐ-UB-XD ngày 24/10/1998 của UBND tỉnh	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	400,0				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà trụ sở						75,0	150,0				
II	**SỞ Y TẾ**	**1**										
1	**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật**											
	Cơ sở 2 (Trung tâm Phòng chống sốt rét cũ)	Số 66 đường Trần Hưng Đạo, phường Lương Văn Tri	GCNQSDĐ số BP 195971 ngày 02/07/2013 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	297,5				Thu hồi	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc số 01, Cấp 3, 02 tầng						75,0	150,0	Cổng, tường rào			
	Nhà làm việc số 02, Cấp 3, 02 tầng						80,0	160,0				
	Nhà làm việc số 03, Cấp 3, 02 tầng						60,0	120,0				
III	**TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN**	**1**										
1	**Cơ sở 3: Trường Cao đẳng Y tế cũ**											
	Cơ sở tại phường Lương Văn Tri	Số 11 đường Hoàng Văn Thụ, phường Lương Văn Tri	GCNQSDĐ số AI 113356, ngày cấp 19/6/2007 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	5.502,0				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương	
	Nhà hành chính (3 tầng-khu nhà A)						190,0	570,0				
	Nhà lớp học (4 tầng- khu nhà B)						516,0	1.940,0				
	Nhà Hội trường - Thư viện (khu nhà C)						479,0	1.413,0				
	Khu nhà bộ môn 4 tầng (nhà D)						217,0	909,5				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	Ký túc xá nhà E tại Cơ sở I						262,7	1.184,8	Bể nước, cổng, tường rào, sân	Điều chuyển	địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà la bô Thực hành - thí nghiệm (nhà H)						299,5	1.159,0				
	Nhà bếp HSSV, nhà để xe ô tô, nhà để xe máy, xe đạp						239,2	239,2				
	Nhà Thi đấu đa năng						253,0	253,0				
	Nhà trực bảo vệ - tại cơ sở I						24,0	24,0				
	Kho để dụng cụ						33,5	33,5				

Phụ lục 2

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Cụm Văn Lãng

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**4**				**15.538,5**	**2.222,4**	**3.339,4**				
A	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**4**				**15.538,5**	**2.222,4**	**3.339,4**				
I	**XÃ NA SẦM**	**1**										
1	**Trụ sở UBND xã Bắc Hùng cũ**	Thôn Đồng Tiến, xã Na Sầm	GCNQSDĐ số AG 978575 ngày 30/6/2008 do UBND tỉnh cấp	Trụ sở cơ quan	Không sử dụng	3.270,5						
	Nhà 1: trụ sở UB xã						232,0	464,0	Sân bê tông, nhà xe, tường rào	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà 2: nhà văn hóa						208,0	208,0				
	Nhà 3: trụ sở cũ						120,0	120,0				
	Nhà 4: bếp						22,0	22,0				
	Nhà 5: nhà ăn						65,0	65,0				
	Nhà 6: nhà vệ sinh						15,0	15,0				
	Nhà 7: kho						27,6	27,6				
	Nhà 8: tiếp dân						28,0	28,0				
II	**XÃ VĂN LÃNG**	**1**										
1	**Trụ sở UBND xã Bắc La (trụ sở mới)**	Thôn Tân Lập, xã Văn Lãng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	7.761,0				Điều chuyển	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc 2 tầng						325,0	733,0				
	Nhà Văn hóa xã Bắc La						236,8	236,8				
III	**XÃ HOÀNG VĂN THỤ**	**2**										
1	**Trụ sở UBND xã Hồng Thái 1 (cũ)**	Thôn Bản Nhùng, xã Hoàng Văn Thụ	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Trụ sở cơ quan	Không sử dụng	2.134,0						

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	Nhà trụ sở làm việc						162,0	324,0		Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà bếp						60,0	60,0				
	Nhà ăn						50,0	50,0				
	Nhà vệ sinh						20,0	20,0				
	Nhà văn hoá						286,0	286,0				
2	**Trụ sở UBND xã Nhạc Kỳ 1 (cũ)**	Thôn Nà Éc, xã Hoàng Văn Thụ	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Trụ sở cơ quan	Không sử dụng	2.373,0			Sân bê tông, nhà để xe	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc 02 tầng						315,0	630,0				
	Nhà bếp						50,0	50,0				

Phụ lục 3

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Tràng Định

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**4**				**9.359,2**	**1.238,9**	**1.922,9**				
A	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**4**				**9.359,2**	**1.238,9**	**1.922,9**				
I	**XÃ KHÁNG CHIẾN**	**1**										
1	**Trụ sở UBND xã Tân Minh cũ**	Thôn 4 xã Kháng Chiến	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	3.428,7				Điều chuyển	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà số 1: Nhà 2 tầng						243,0	486,0	Sân bê tông, tường rào hoa sắt			
	Nhà số 2: Nhà 1 tầng						50,0	50,0				
II	**XÃ QUỐC KHÁNH**	**1**										
1	**Trụ sở UBND xã Đội Cấn (cũ)**	Thôn Bản Chang, xã Quốc Khánh	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	3.351,6				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà số 1 (Nhà làm việc 2 tầng)						216,0	432,0	Sân bê tông, tường rào, đường đi nội bộ, lò đốt rác, mái tôn kho lưu trữ			
	Nhà số 2 (Nhà bếp)						86,0	86,0				
	Nhà số 3 (Nhà đa năng)						36,7	36,7				
	Nhà số 4 (Nhà vệ sinh mới)						16,0	16,0				
	Nhà số 5 (Nhà vệ sinh cũ)						16,8	16,8				
III	**XÃ TÂN TIẾN**	**1**										
1	**Trường PTDTBT TH, THCS Bắc Ái II**											
	Phân trường thôn Hang Dường	Thôn Hang Dường, xã Tân Tiến	Quyết định 1621/QĐ-UB-XD, ngày 15/11/1997	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Không sử dụng	750,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà số 2: Khu nhà 2 tầng						74,4	74,4				
IV	**XÃ THẤT KHÊ**	**1**										

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Trụ sở UBND xã Chí Minh cũ (trụ sở mới)**	Thôn Pác Bó, xã Thất Khê	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	1.828,9				Thu hồi	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà trụ sở UBND xã cũ						375,0	600,0	Sân bê tông, cổng, tường rào, kè			
	Nhà bếp						75,0	75,0				
	Nhà để xe máy						50,0	50,0				

Phụ lục 4

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Văn Quan

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/ bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**1**				**206,0**	**80,0**	**80,0**				
A	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**1**				**206,0**	**80,0**	**80,0**				
I	**XÃ ĐIỀM HE**	**1**										
1	**Trường Mầm non 1 Điềm He**									Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Điểm trường Bản Nhuần	Thôn Phú Nhuận, xã Điềm He	GCNQSDĐ số H962892 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31/9/1997; diện tích hiện trạng theo bản đồ địa chính xã Văn An cũ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	206,0						
	Khu dãy phòng học						80,0	80,0	Sân bê tông, tường rào			

Phụ lục 5

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Bình Gia

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**8**				**10.009,1**	**1.846,0**	**2.757,7**				
A	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**4**				**3.274,9**	**1.253,0**	**2.060,7**				
I	**XÃ BÌNH GIA**	**3**										
1	**Trụ sở UBND xã Hoàng Văn Thụ**	Thôn Thuần Như I, xã Bình Gia	GCN QSDĐ CI 722778 cấp ngày 29/03/2018 do UBND tỉnh cấp (trong đó phần nhà trụ sở UBND xã cũ 2 tầng chưa có GCNQSDĐ)	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	689,1				Điều chuyển	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà trụ sở cũ						69,0	138,0	Cổng, tường rào, khu để xe, sân bê tông			
	Nhà trụ sở UBND						260,7	521,4				
	Nhà làm việc bộ phận 1 cửa						93,1	93,1				
2	**Phòng Tài chính - Kế hoạch cũ**	Thôn Trần Hưng Đạo, xã Bình Gia	GCNQSDĐ số BĐ 113203 ngày 31/3/2011 do UBND tỉnh cấp	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Không sử dụng	471,8				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà làm việc 4 tầng cấp III						210,0	688,0	Cổng, tường rào, khu để xe, sân bê tông			
3	**Trung tâm Phát triển quỹ đất**	Thôn 2, xã Bình Gia	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Trung tâm quỹ đất khu vực Bình Gia đang sử dụng	895,0			Mái che khu để xe, tường rào, sân	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Điều chuyển	
	Nhà làm việc cấp IV (Trung tâm Phát triển quỹ đất cũ)						100,2	100,2				
	Nhà làm việc cấp IV (Trung tâm Phát triển quỹ đất mới)						180,0	180,0				
II	**XÃ TÂN VĂN**	**1**										

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Nhà văn hóa xã Bình La cũ**	Thôn Bản Pìoa, xã Tân Văn	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	Không sử dụng	1.219,0				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà văn hóa xã						200,0	200,0				
	Nhà chức năng nhà văn hóa xã						140,0	140,0				
B	**BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN**	**4**				**6.734,2**	**593,0**	**697,0**				
I	**XÃ BÌNH GIA**	**1**										
1	**Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia (cũ)**	Thôn 2, xã Bình Gia	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Thống kê cơ sở Bình Gia sử dụng	528,2					Điều chuyển	
	Nhà làm việc 02 tầng						104,0	208,0				
	Nhà lưu trú công vụ 01 tầng						111,0	111,0				
II	**XÃ THIỆN HÒA**	**1**										
1	**Nhà văn hóa xã Yên Lỗ cũ**	Thôn Bản Mè, xã Thiện Hòa	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	Không sử dụng	1.160,0	342,0	342,0	Sân bê tông		Điều chuyển	

Phụ lục 6

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Bắc Sơn

(Kèm theo Quyết định số 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**9**				**12.573,9**	**3.379,3**	**5.009,3**				
A	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**7**				**10.542,6**	**2.810,7**	**4.166,7**				
I	**XÃ BẮC SƠN**	**4**										
1	**Trường Mầm non Bắc Quỳnh**											
	Điểm trường Đon Riệc	Thôn Đon Riệc 1, xã Bắc Sơn	Trích đo địa chính số 02-2016 tờ số 44 do Sở TN&MT duyệt ngày 02/3/2016	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	1.911,5				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà lớp học, hành chính (02 tầng)						399,7	599,7	Nhà để xe, sân, tường rào			
	Nhà lớp học cấp IV (1 tầng)						299,2	299,2				
	Nhà bếp						67,9	67,9				
	Nhà vệ sinh						24,8	24,8				
2	**Trường THCS Bắc Quỳnh**											
2.1	***Khu 1***	Thôn Đon Riệc 1, xã Bắc Sơn	GCNQSDĐ số DG 779252 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/7/2024	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	3.100,6				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà hành chính + bộ môn (cấp 3)						228,8	686,3	Nhà để xe, sân, tường rào			
	Nhà lớp học (cấp 4)						269,8	269,8				
	Nhà lớp học (cấp 4)						124,5	124,5				
	Nhà bảo vệ						15,0	15,0				
	Nhà vệ sinh						25,0	25,0				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
2.2	***Khu 2***	Thôn Đon Riệc 1, xã Bắc Sơn	Trích lục bản trích đo địa chính số 556/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bắc Sơn xác nhận ngày 01/8/2023	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	1.970,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà lớp học cấp 4						275,6	275,6	Nhà để xe, sân, tường rào			
	Nhà lớp học cấp 4						140,1	140,1				
	Nhà vệ sinh						26,3	26,3				
3	**Văn phòng HĐND và UBND xã**											
	Trụ sở làm việc Huyện ủy cũ	Khối phố Hoàng Văn Thụ, xã Bắc Sơn	GCSNQSDĐ số T00066 được UBND tỉnh cấp ngày 26/6/2006	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	2.488,4				Thu hồi	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở làm việc nhà 3 tầng						300,0	865,0	Nhà để xe, sân, tường rào, cổng			
	Nhà khách 2 tầng						175,5	287,0				
	Nhà làm việc 02 tầng (XD 1985)						76,0	98,0				
	Nhà đa năng						150,6	150,6				
II	**XÃ VŨ LĂNG**	**3**										
1	**Trường Tiểu học Tân Lập**											
	Điểm trường thôn Nà Yêu	Thôn Nà Yêu, xã Vũ Lăng	GCNQSDĐ số H962940 ngày 10/10/1997	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Trên khu đất có nhà văn hóa thôn Nà Yêu	675,0				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
2	**Trường Mầm non xã Vũ Lăng**											
2.1	***Điểm trường Bản Luông***	Thôn Bản Luông, xã Vũ Lăng	Xây dựng trên đất của Tiểu học 2 Vũ Lăng	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng					Điều chuyển	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Lớp học kiên cố						98,0	98,0	Giếng khoan			
	Nhà bếp tạm						8,0	8,0				
2.2	***Điểm trường Bản Đắc***	Thôn Bản Luông, xã Vũ Lăng	Trích đo địa chính số 133-2018, tờ số 141	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Không sử dụng	397,1				Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà lớp học						98,0	98,0	Bể nước			
	Nhà bếp tạm						8,0	8,0				
B	**BÃI BỎ PHƯƠNG ÁN**	**2**				**2.031,3**	**568,6**	**842,6**				

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**XÃ BẮC SƠN**	**2**										
1	**Nhà trạm phát lại Quỳnh Sơn**	xã Bắc Sơn	- Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 05/6/2000 của UBND tỉnh giao: 1.142m2; - Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND tỉnh thu hồi và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý: 603m2.	Đất cơ sở văn hoá		539,0	83,0	168,0		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Bỏ ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý	
2	**Trường Tiểu học xã Bắc Sơn**											
	Cơ sở 2	Khu phố Lương Văn Tri, xã Bắc Sơn	GCNQSDĐ số BP 195391 ngày 16/1/2014 do UBND tỉnh cấp (mang tên Trung tâm dạy nghề)	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Đang sử dụng	1.492,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng	Bỏ ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý	
	Nhà số 1						264,0	264,0	Nhà để xe, khu vui chơi, sân, tường rào			
	Nhà số 2 (2 tầng)						183,0	372,0				
	Nhà vệ sinh						38,6	38,6				

Phụ lục 7

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Lộc Bình

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**2**				**2.495,3**	**571,4**	**994,8**				
A	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**1**				**1.781,0**	**354,0**	**620,0**				
I	**XÃ NA DƯƠNG**	**1**										
1	**Trụ sở làm việc UBND xã Tú Đoạn cũ**	Thôn Dinh Chùa, xã Na Dương	Tờ Bản đồ số 56 thửa đất số 32 đo đạc năm 2010	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	1.781,0				Điều chuyển	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở UBND xã 2 tầng						266,0	532,0	Sân, khuôn viên, tường rào			
	Nhà công vụ cũ						54,4	54,4				
	Nhà bếp						25,6	25,6				
	Nhà vệ sinh						8,0	8,0				
B	**BÃI BỎ PHƯƠNG ÁN**	**1**				**714,3**	**217,4**	**374,8**				
I	**XÃ LỘC BÌNH**	**1**										
1	**Trụ sở 1 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện cũ**	Khu Hoà Bình, xã Lộc Bình	GCNQSDĐ số BP 195679 ngày 23/12/2013 do UBND tỉnh cấp	Trụ sở cơ quan	Không sử dụng	714,3				Điều chuyển	Bỏ ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý	
	Nhà trụ sở làm việc						157,4	314,8	Sân, nhà để xe			
	Hội trường						60,0	60,0				

Phụ lục 8

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Đình Lập

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**2**				**1.083,2**	**280,0**	**280,0**				
A	**BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN**	**2**				**1.083,2**	**280,0**	**280,0**				
I	**XÃ CHÂU SƠN**	**2**										
1	**Trường Tiểu học Châu Sơn**											
	Điểm trường Pặn Ngọn (cũ)	Thôn Pặn Ngọn, xã Châu Sơn	GCNQSDĐ số CT 02130 do UBND tỉnh cấp ngày 23/12/2013	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Không sử dụng	379,3					Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà lớp học, phòng công vụ, bếp						90,0	90,0	Sân bê tông			
2	**Trường Tiểu học Đồng Thắng**											
	Đất điểm trường Nà Xoong cũ (Khu nhà công vụ)	Thôn Nà Xoong, xã Châu Sơn	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Không sử dụng	703,9					Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Nhà công vụ cấp 4						190,0	190,0	Sân bê tông			

Phụ lục 9

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Hữu Lũng

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**3**				**7.127,8**	**1.525,1**	**1.875,7**				
A	**BỔ SUNG THÔNG TIN**	**1**				**1.114,0**	**120,1**	**120,1**				
I	**XÃ TÂN THÀNH**	**1**										
1	**Trường Tiểu học Hòa Sơn**											
	Điểm trường Đoàn Kết	Thôn Đoàn Kết, xã Tân Thành	GCNQSDĐ số CB 113668 ngày 10/7/2012 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Không sử dụng	1.114,0				Điều chuyển	Điều chuyển	Bổ sung thông tin diện tích nhà
	Nhà số 1: Khu nhà lớp học						33,0	33,0	Khuôn viên, sân chơi, tường bao			
	Nhà số 2: Khu nhà lớp học						87,1	87,1				
B	**SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN**	**1**				4.899,8	1.284,9	1.635,5				
I	**XÃ VÂN NHAM**	**1**										
1	**Trụ sở UBND xã Vân Nham cũ**	Thôn Nhị Liên, xã Vân Nham	GCNQSDĐ số AI 113466 ngày 19/5/2008 do UBND tỉnh cấp	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	4.899,8				Thu hồi	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trụ sở Uỷ ban N1 (2 tầng)						350,6	701,2	Sân, tường rào			
	Nhà văn hóa xã						435,4	435,4				
	Nhà hành chính công						187,0	187,0				
	Nhà đoàn thể N2						212,8	212,8				
	Nhà để xe						64,8	64,8				
	Nhà tắm						9,0	9,0				
	Nhà vệ sinh						25,3	25,3				
C	**BÃI BỎ PHƯƠNG ÁN**	**1**				**1.114,0**	**120,1**	**120,1**				
I	**XÃ TÂN THÀNH**	**1**										
1	**Trường Mầm non Hòa Sơn**											
	Điểm trường Đoàn Kết	Thôn Đoàn Kết, xã Tân Thành	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở giáo dục-đào tạo	Đang sử dụng	1.114,0				Giữ lại tiếp tục	Bỏ ra khỏi phương án sắp	

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	Nhà số 1: Khu nhà lớp học						33,0	33,0	Nhà vệ sinh, sân, khuôn viên	sử dụng	phương án sắp xếp lại, xử lý	
	Nhà số 2: Khu nhà lớp học						87,1	87,1				

Phụ lục 10

Sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh

Cụm Cao Lộc

(Kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ nhà, đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Nhà, đất (m²)			Công trình khác gắn liền với đất	Hình thức xử lý phê duyệt tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND	Hình thức xử lý sau điều chỉnh/ bổ sung	Ghi chú
						Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG	**2**				**2.577,7**	**1.087,6**	**1.087,6**				
A	**BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN**	**2**				**2.577,7**	**1.087,6**	**1.087,6**				
I	**XÃ ĐỒNG ĐĂNG**	**2**										
1	**Trường TH và THCS Bảo Lâm**										Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường THCS Bảo Lâm cũ	Thôn Còn Kéo, xã Đồng Đăng	GCNQSDĐ số BA 896290 do UBND tỉnh cấp ngày 29/12/2010	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	2.281,0						
	Nhà làm việc 1 (Khu hiệu bộ)						371,8	371,8	Sân bê tông, tường rào, cổng			
	Nhà làm việc 2 (Khu trường học)						484,8	484,8				
	Nhà vệ sinh						12,2	12,2				
2	**Trường Mầm non Thụy Hùng**										Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	
	Trường chính cũ	Thôn Pò Nghiều, xã Đồng Đăng	Chưa được cấp GCNQSDĐ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	296,7						
	03 phòng học (nhà 1 tầng tại ngã 3)						187,5	187,5	Sân bê tông, tường rào, cổng			
	Nhà bếp						22,0	22,0				
	Nhà vệ sinh học sinh						9,3	9,3				